TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ - ST
Ngày 29/12/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thể, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023, về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nhâm Thị T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

- **Bị đơn:** Anh Vũ Đức Q, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh Q. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nhâm Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Đức Q kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Q, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/5/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh Q không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Vũ Đức Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Vũ Bích N, sinh ngày 30/8/2017. Ly hôn chị xin nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 1000.000 đồng/01 tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Hiện chị làm tự do, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng. Từ năm 2017 đến nay chị là người trực tiếp nuôi con, anh Q không có trách nhiệm với con.

Về tài sản: Chị và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Đức Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và xác minh với gia đình anh Q thì được bố mẹ anh Q là ông Vũ Đức Đ và bà Vũ Thị P cung cấp: Gia đình có nhận được thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án gửi cho anh Q và đã thông báo toàn bộ nội dung các văn bản trên cho anh Q. Anh Q đã biết việc chị T xin ly hôn anh Q tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng. Anh Q kết hôn với chị T năm 2016. Chị T và anh Q mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh Q có ý kiến là chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn. Về con chung, chị T và anh Q có 01 con chung là Vũ Bích N, sinh ngày 30/8/2017. Hiện cháu N đang ở với chị T, ly hôn anh Q đồng ý để chị T nuôi con chung Vũ Bích N, anh Q không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Hiện anh Q làm nghề tự do tại tỉnh Lâm Đồng, thường xuyên thay đổi chỗ ở nên ông bà không cung cấp được địa chỉ cụ thể cho Tòa án nhưng anh Q thường xuyên gọi điện thoại cho ông bà. Do công việc bận mải anh Q xin được vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Nhâm Thị T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn - anh Vũ Đức Q đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nhâm Thị T: Xử cho chị T được ly hôn anh Vũ Đức Q. Về con chung: Đề nghị xử giao con chung Vũ Bích N, sinh ngày 30/8/2017 cho chị Nhâm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 12/2023 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh Q về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị T và anh Q. Chị T, anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Đức Q có nơi thường trú tại xã Đông Q, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Nhâm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vũ Đức Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị T, anh Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh Q do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Q, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/5/2016 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, chị T khai anh Q không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Anh Q đã biết việc chị T xin ly hôn anh nhưng không đến Tòa án để làm việc. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thì quá trình chung sống chị T và anh Q có mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị T xin ly hôn anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị T và anh Q đã sống ly thân từ năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T xử cho chị T được ly hôn anh Q là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là Vũ Bích N, sinh ngày 30/8/2017. Ly hôn chị T xin nuôi con. Bố mẹ anh Q khai anh Q đồng ý để chị T nuôi con chung. Ủy ban nhân dân xã Đ đề nghị Tòa án giao con Vũ Bích N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung đang ở cùng chị T. Vì vậy, cần giao con chung Vũ Bích N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1000.000 đồng/01 tháng là phù hợp cần chấp nhận. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh Q về vấn đề này, do đó không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa chị T và anh Q.

[3]Về án phí: Chị T, anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nhâm Thị T được ly hôn anh Vũ Đức Q.

2. Về con chung: Xử giao con chung Vũ Bích N, sinh ngày 30/8/2017 cho chị Nhâm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Vũ Đức Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T là 1.000.000 đồng/01 tháng, kể từ tháng 12/2023 đến khi con đủ 18 tuổi. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Chị Nhâm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Vũ Đức Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003336 ngày 05/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơinhận:
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự, UBND xã Đ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Phạm Thị Lan Phương